

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 26-4-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông Lê Bá Quyền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 32/2, tổ 3, khu phố K, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Sơn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà 10/4, tổ 4, khu phố H2, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trịnh Sơn T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân dưới sự đồng ý của gia đình hai bên; có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 14/9/2015.

Dù đã có 02 con nhưng vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông T không chăm lo làm ăn để kiếm

tiền nuôi con mà thường xuyên uống rượu, gây gỗ, cãi vã với vợ. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng đều không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống cả hai. Bà H và ông T đã ly thân hơn 02 năm. Đến nay, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 13/12/2008 và cháu Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay, 02 cháu đang sống chung với bà H được chăm sóc tốt về vật chất và tinh thần, được ăn học đầy đủ. Do đó, khi ly hôn, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng cho 02 con 2.000.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/02/2022, bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông Trịnh Sơn T cấp dưỡng nuôi hai con.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Trịnh Sơn T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo biên bản xác minh ngày 29/11/2021 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Phước Khánh, thị xã T: Ông Trịnh Sơn T, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú ở số nhà 10/4, tổ 4, khu phố Bình Hòa 2, phường Tân Phước Khánh, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Hiện tại, ông Trịnh Sơn T vẫn còn sinh sống ở đây. Về mâu thuẫn gia đình của bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trịnh Sơn T: Do bà H và ông T không đến địa phương trình báo về mâu thuẫn gia đình nên địa phương không nắm rõ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định. Ông Trịnh Sơn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trịnh Sơn T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà H xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do vậy, bà H yêu

cầu ly hôn ông T là có căn cứ. Về con chung: Bà H đang nuôi 02 con, điều kiện chăm sóc tốt nên việc bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà H đã có đơn xin rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Trịnh Sơn T nhưng ông T không đến Tòa làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trịnh Sơn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119 ngày 14/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, vợ chồng bà H và ông T đã từng kết hôn và ly hôn nhưng sau đó cả hai đều muốn các con có gia đình trọn vẹn nên đã đăng ký kết hôn lại lần thứ 2. Tuy nhiên, sau hai lần kết hôn vợ chồng vẫn không tìm được hạnh phúc. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T không đến Tòa án cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đồng thời bà H kiên quyết ly hôn. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Tuấn V, sinh ngày 13/12/2008 và cháu Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2011. Hiện nay, hai con đang sống chung với bà H, được chăm sóc, giáo dục tốt, đảm bảo các điều kiện vật chất và tinh thần. Các con có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu của bà H về việc trực tiếp nuôi hai con là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi các con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/02/2022, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi

kiện về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Trịnh Sơn T về việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H đối với bị đơn ông Trịnh Sơn T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Trịnh Sơn T.

2.2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Trịnh Tuấn V, sinh ngày 13/12/2008 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2011 cho bà Nguyễn Thị Kim H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trịnh Sơn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trịnh Sơn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052276 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- Chi cục THADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Quỳnh Nga**